UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THIỆU TRUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 518 /QĐ-UBND	*Thiệu Trung, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THIỆU TRUNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt đồng xây dựng; số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc Hội; số 214/2025/NĐ- CP ngày 04/8/2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-SXD ngày 29/7/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Sửa đổi khu vực để tính đơn giá nhân công tại Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa Về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Uỷ ban nhân dân xã Thiệu Trung về việc quyết nghị chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch của UBND xã Thiệu Trung về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND xã Thiệu Trung về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 02: Tưvấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình:Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 06/BC-TTr ngày 21/5/2026 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải về việc tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình, dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế tại Báo cáo số 60/BCTĐ-KT ngày 26/5/2026 về kết quả thẩm định Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung; kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 26/5/2026 của Chủ đầu tư về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung

2. Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Thiệu Trung.

4. Mục tiêu đầu tư: Nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh trong trường, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần duy trì Trường chuẩn quốc gia mức độ 1

5. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinasa

6. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải

7. Địa điểm xây dựng: xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, Công trình dân dụng.

9. Số bước thiết kế: 01 bước (lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật).

10. Nội dung đầu tư và giải pháp thiết kế công trình:

10.1. Nhà lớp học 1 tầng 03 phòng.

- Vệ sinh, xử lý chống thấm sê nô mái. Thay thế hệ thống ống thoát nước mái bằng ống PVC D90.

- Phá dỡ lớp trát tường trong phòng học, trát lại và ốp tường bằng gạch

ceramic màu trắng sáng, cao 1,8m kích thước 300x600mm.

10.2. Nhà chức năng 1 tầng:

Vệ sinh, xử lý chống thấm sê nô mái. Thay thế hệ thống ống thoát nước mái bằng ống PVC D90.

10.3. Nhà ăn:

- Đắp đất đồi tôn nền lên cao bằng nền nhà lớp học liền kề dày trung bình 30cm. Lót nilon và đổ bê tông nền đá 1x2 mác 200 dày 10cm.

- Lát nền mới bằng gạch ceramic 600x600mm sáng màu.

- Ốp tường bao bằng gạch ceramic 300x600mm màu trắng sáng.

10.4. Xây mới nhà bếp:

a) Giải kháp kiến trúc:

- Xây mới nhà bếp có quy mô 01 tầng, kích thước 18x9,6m; chiều cao công trình tính từ cos 0.00 đến đỉnh mái là 6,1m.

- Mặt bằng bếp gồm: 01 phòng chia thức ăn 23,97m2, 01 phòng bếp + nấu 78,07m2, 01 kho thực phẩm 10,01m2, 01 phòng kho lương thực 10,01m2 và 01 khu sơ chế; Giao thông ngang bằng hành lang rộng 2,4m.

- Tường 220 xây gạch bê tông, vữa XM M75, trát tường bằng vữa XM M75 dày 1,5cm; toàn bộ dầm, trần cột, tường ngoài trát vữa XM M75 dày 1,5cm. Ốp gạch trong nhà cao 2,1m bằng gạch ceramic 300x600mm màu trắng sáng. Toàn bộ tường lăn sơn 3 nước 01 nước lót 02 nước màu.

- Mái xây tường thu hồi 220 xây gạch bê tông, vữa XM M75; xà gồ thép hộp 30x60x1.4mm, lợp mái bằng tôn sóng, tôn dày 0,4mm.

- Toàn bộ cửa đi, cửa sổ công trình là cửa nhôm hệ 55, kính trắng an toàn dày 6,38mm, hoa sắt bằng thép hộp 13x26x1.1mm, sơn tĩnh điện màu trắng.

- Bậc tam cấp xây gạch, vữa XM M75, lát đá granite màu xám.

- Nền lát gạch ceramic 600x600mm sáng màu, nền khu sơ chế lát gạch chống trơn 300x300mm.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Đáy móng được gia cố bằng cọc tre loại 2,5m, tiêu chuẩn 25 cọc/m2. Bê tông lót móng M100. Thiết kế móng băng BTCT M250; Tường móng xây gạch vữa XM M75, giằng chân tường BTCT M200.

- Phần thân: Nhà kết cấu cột, dầm sàn BTCT toàn khối kết hợp tường gạch bao che, sử dụng bê tông M250. Thép nhóm CII. Hệ cột, dầm, sàn BTCT M250 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x600mm và 220x350mm, tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x300mm; sàn BTCT điển hình dày 120mm.

c) Giải pháp phần điện và chống sét:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện hạ thế của khu vực kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC 2x16mm2 đi đến tủ điện tổng, cáp nội bộ dùng CU/PVC/2x6mm2. Dây dẫn trong phòng dùng dây CU/PVC 2x2,5mm2 và 2x1,5mm2. Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen nhựa đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép phi 16

dài 1m, dây dẫn sét thép phi 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m; chôn sâu cách mặt đất 0,7m. Dây tiếp địa 40x4mm.

e) Gải pháp cấp và thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước sạch sau nhà 2 tầng và được dẫn lên téc nước đặt trên mái bằng ống nhựa PPR sau đó cấp xuống các thiết bị dùng nước tại tầng 1.

- Thoát nước thải từ khu bếp được thu vào hệ thống đường ống nhựa PVC và thoát ra rãnh thoát nước chung. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh nước bên ngoài.

f) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

- Phòng cháy chữa cháy: Bố trí hệ thống bình cứu hỏa gồm: Bình chữa cháy MFZ4, bình CO2 đựng trong các hộp chữa cháy đặt tại các vị trí thuận tiện cho sử dụng.

10.5. Các hạng mục phụ trợ khác:

- Phá dỡ nhà bếp cũ 1 tầng.

- Sân bê tông khu vực nhà bếp: Đắp đất tôn nền sân, đầm chặt K90. Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 16cm. Lớp nilon chống mất nước xi măng. Lớp bê tông sân M200. Xoa mặt bê tông sân bằng máy. Cắt mạch sân bê tông.

- Rãnh thoát nước: Rãnh thoát nước xây gạch không nung, vữa xi măng M75. Bê tông đáy rãnh M250. Bê tông lót đáy rãnh M100. Trát tường trong rãnh, vữa xi măng M75. Tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép M250, thép một lớp D10.

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 2.174.902.000 đồng *(Hai ỷ, một trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm lẻ hai nghìn đồng).* Trong đó:

Chi phí xây dựng:	1.885.414.615	đồng;
Chi phí quản lý dự án:	64.971.000	đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	187.175.000	đồng;
Chi phí khác:	32.141.048	đồng;
Chi phí dự phòng:	5.200.000	đồng;

(có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã từ nguồn sự nghiệp giáo dục và các nguồn huy động hợp pháp khác

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Theo Kế hoạch giao vốn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

14. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không có

16. Các nội dung khác (nếu có): không có

Điều 2. Giao phòng Kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND xã (để b/c);
- Phòng giao dịch số 5 – Khu vực XI:
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THIỆU TRUNG T.THANH HÓA

Nguyễn Văn Vũ

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thiệu Vận, xã Thiệu Trung

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**1.745.754.273**	**139.660.342**	**1.885.414.615**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.745.754.273	139.660.342	1.885.414.615	
1.1.1	XÂY DỰNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.745.754.273	139.660.342	1.885.414.615	
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3.446%**		**Gxd trước thuế x tỷ lệ**	**60.158.692**	**4.812.695**	**64.971.000**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**173.310.065**	**13.864.804**	**187.175.000**	**Gtv**
3.1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng			*Theo QĐ số: 168/QĐ-UBND ngày 09/02/2026*	*368.519*	*29.481*	*398.000*	
3.2	Chi phí khảo sát lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3a Thông tư 08/2025/TT-BXD)			*Theo QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 12/02/2026*	105.555.556	8.444.444	114.000.000	
3.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)			*Theo QĐ số: 214/QĐ-UBND ngày 10/3/2026*	9.537.037	762.963	10.300.000	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3.285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	57.348.028	4.587.842	61.936.000	
3.5	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Bảng 2.23 Thông tư 12/2021/TT-BXD)			*Theo QĐ số: 168/QĐ-UBND ngày 09/02/2026*	*500.926*	*40.074*	*541.000*	
4	**Chi phí khác**				**30.471.104**	**1.670.324**	**32.141.048**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0.019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0.57%	0.5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	6.092.048		6.092.048	

4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0.96%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	20.879.056	1.670.324	22.549.000	
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	3.000.000		3.000.000	
5	**Chi phí dự phòng**						**5.200.000**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			5.200.000	
	Tổng cộng				**2.009.694.134**	**160.008.165**	**2.174.901.663**	**Gxdct**
	Làm tròn						**2.174.902.000**	